

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2096/QĐ - BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

Bãi bỏ STT 1 Phần I, Phần II tại Quyết định số 1327/QĐ-BTC ngày 11/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới

ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; STT 1 Phần I, mục 1 Phần II tại Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; STT1, STT 4 Phần I, mục 1, mục 4 Phần II tại Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính; STT 1, STT 2, STT 6, STT 11 Phần I, mục 1, mục 2, mục 6, mục 11 Phần II tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Cục trưởng Cục Quản lý công sản, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở TW;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Cổng TTĐT Bộ Tài chính;
- Văn phòng Bộ;
- Lưu: VT, QLCS (120b).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

Phụ lục
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CÔNG SẢN, TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025
của Bộ Tài chính)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý công sản	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 1327/QĐ-BTC ngày 11/4/2025
2	1.012994	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Tài chính đất đai	- Ủy ban nhân dân cấp xã; - Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân nhân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.	Quyết định số 2589/QĐ-BTC ngày 31/10/2024
3	3.000327	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân	Quản lý công sản	Bộ Nông nghiệp và Tài nguyên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025

			định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính		Ủy ban nhân dân cấp xã	của Bộ Tài chính
4	3.000326	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý công sản	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã	Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025
5	3.000424	Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp	Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý công sản	Bộ trưởng Bộ Xây dựng (đối với đường sắt quốc gia) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với đường sắt đô thị)	Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24/4/2025
6	3.000425	Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)	Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý công sản	Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24/4/2025
7	3.000429	Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị.	Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa	Quản lý công sản	Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân	Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24/4/2025

			phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính		cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
8	3.000434	Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/dô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư	Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	Quản lý công sản	Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 24/4/2025

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục: “*Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế*”

a. Trình tự thực hiện:

a1) Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản từ chối quyền hưởng di sản của người thừa kế hoặc bản án, quyết định của Tòa án xác định người đó không được quyền hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc kể từ ngày hết thời hiệu yêu cầu chia di sản mà không có người chiếm hữu theo quy định của pháp luật dân sự hoặc kể từ ngày nhận được văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ luật Dân sự, tổ chức hành nghề công chứng nơi mở thừa kế có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện¹.

a2) Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã², trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản a1, cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện¹ có trách nhiệm lập Tờ trình kèm hồ sơ quy định tại khoản a1 trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã² xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

a3) Đối với di sản không có người thừa kế thuộc thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong thời hạn

¹ Theo khoản 1 Điều 28 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thì hồ sơ gửi cho Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện. Nay theo điểm c khoản 5 Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện trình tự, thủ tục này do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện.

² Theo khoản 2 Điều 28 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Nay theo điểm b khoản 5 Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản a1, cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện¹ có trách nhiệm lập Tờ trình kèm bản sao hồ sơ quy định tại khoản a1, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã³ để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã³ gửi, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

a4) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp xã giao thực hiện¹, Sở Tài chính theo quy định tại khoản a2, khoản a3, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã², Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. Trường hợp tài sản là di sản không có người thừa kế là bất động sản thì Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản được gửi đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh hoặc tổ chức đăng ký đất đai và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Báo cáo quá trình mở thừa kế đối với di sản: bản chính;

Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, hiện trạng của di sản, giá trị (nếu có thông tin về giá trị): bản chính;

Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến quá trình mở thừa kế, văn bản từ chối quyền hưởng di sản, bản án hoặc quyết định của Tòa án xác định người không được quyền hưởng di sản thừa kế (nếu có): bản sao;

Văn bản từ bỏ phần quyền sở hữu đối với tài sản sở hữu chung quy định tại khoản 4 Điều 218 Bộ luật Dân sự: bản chính.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp xã: 29 ngày.

- Đối với tài sản thuộc thẩm quyền xác lập của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 36 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức hành nghề công chứng nơi mở thừa kế.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

³ Theo khoản 3 Điều 28 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP thì hồ sơ được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện. Nay theo điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì hồ sơ được gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Điều 28 Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính).

2. Thủ tục: “*Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”

a. Trình tự thực hiện:

a1) Người sử dụng đất phối hợp với đơn vị, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập và nộp Hồ sơ đề nghị khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cùng với hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông.

a2) Văn phòng đăng ký đất đai hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai hoặc bộ phận một cửa liên thông chuyển các hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

a3) Căn cứ vào chứng từ, hồ sơ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát và có văn bản xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gửi cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Trường hợp giải phóng mặt bằng trên địa bàn từ 02 xã trở lên thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp⁴.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ: (khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 31 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ):

Văn bản của người thực hiện dự án đề nghị được khấu trừ kinh phí bồi

⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định. Nay theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện.

thường, hỗ trợ, tái định cư: 01 bản chính;

Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt: 01 bản sao;

Chứng từ chuyển tiền của người thực hiện dự án cho đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 01 bản sao;

Bảng kê thanh toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập; trong đó có các nội dung về số tiền đã chi trả, số chứng từ chi trả, ngày, tháng chi tiền, người nhận tiền: 01 bản chính.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người sử dụng đất và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản xác nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã gửi cho cơ quan thuế thực hiện việc trừ số tiền ứng trước vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người thực hiện dự án tự nguyện ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

3. Thủ tục: “*Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi*”

a. Trình tự thực hiện:

a1) Chủ đầu tư dự án lập hồ sơ đề nghị giao tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

a2) Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản.

a3) Sau khi có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp

nhận tài sản⁵.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình của chủ đầu tư dự án về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính.

Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính.

Văn bản đề nghị được giao tài sản của đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP (trong trường hợp dự kiến giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện): 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại công trình; năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng; quy mô công trình; diện tích đất gắn với công trình thủy lợi; nguyên giá tài sản xác định theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP): 01 bản chính. Danh mục tài sản theo Mẫu số 01/DM tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2025/NĐ-CP.

Hồ sơ hoàn thành công trình: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư; bản vẽ hoàn công; quy trình vận hành, quy trình bảo trì; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình thủy lợi: 01 bản sao.

Văn bản phê duyệt quyết toán/Biên bản nghiệm thu A-B (trong trường hợp chưa có văn bản phê duyệt quyết toán): 01 bản sao.

Hồ sơ pháp lý về đất đai (nếu có): 01 bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ đầu tư dự án.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp xã.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02

⁵ Theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định. Nay theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

4. Thủ tục: “Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại”

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp có tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP lập hồ sơ đề nghị thanh lý/xử lý tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

a2) Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp⁶.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị thanh lý/xử lý tài sản (trong đó xác định cụ thể việc xử lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 24 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP): 01 bản chính.

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý/xử lý (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản): 01 bản chính.

Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ,

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp có tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cần được thanh lý, xử lý.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về thanh lý/xử lý tài sản kết cấu hạ tầng trong trường hợp bị mất, hủy hoại của Ủy ban nhân dân cấp xã.

h. Phí, lệ phí: Không.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

⁶ Theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 23 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định. Nay theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

5. Tên thủ tục: “Chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia/đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp”

5.1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi Bộ Xây dựng.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản chỉ đạo trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp⁷.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ (khoản 2 Điều 7 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ):

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo bản sao Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp): bản chính.

- Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia: bản chính.

- Danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

⁷ Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý đường sắt quốc gia.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phủ về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

5.2. Đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chuyển hình thức giao tài sản chưa phù hợp.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ (*khoản 2 Điều 10 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ*):

- Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị chuyển từ hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo bản sao Phương án đầu tư bổ sung vốn điều lệ tại doanh nghiệp bằng giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp): bản chính.

- Danh mục tài sản (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị tài sản được xác định, quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều này; tình trạng sử dụng của tài sản): bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng tài sản): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc chuyển từ hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sang hình thức tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

6. Tên thủ tục: *“Khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia)”*.

6.1. Đối với tài sản KCHT đường sắt quốc gia

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập Đề án khai thác tài sản, trình Bộ Xây dựng.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 16 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt Đề án⁸.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

⁸ Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia); theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đề án khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia do doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này sau khi được hoàn thiện: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường sắt quốc gia.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

6.2. Đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập Đề án khai thác tài sản, trình cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm b, c và d khoản 3 Điều 33 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án⁹.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị phê duyệt Đề án: 01 bản chính;

Đề án khai thác tài sản cầu hạ tầng đường sắt đô thị do doanh nghiệp quản lý đường sắt đô thị lập theo Mẫu số 02A tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): 01 bản sao;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường sắt đô thị.

⁹ Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền quyết định phê duyệt đề án khai thác tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị theo phương thức cơ quan quản lý tài sản trực tiếp tổ chức khai thác (đối với tài sản liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia); theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án khai thác tài sản KCHT đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

7. Tên thủ tục: “Điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị”.

7.1. Đối với tài sản KCHT đường sắt quốc gia

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình cơ quan, người có thẩm quyền.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Trường hợp việc điều chuyển tài sản thuộc thẩm quyền quyết định Bộ trưởng Bộ Tài chính thì Bộ Xây dựng lập hồ sơ đề nghị Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quốc gia quốc gia và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản KCHT đường sắt quốc gia.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

7.2. Đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị

a. Trình tự thực hiện:

a1) Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều 23 Nghị định số 15/2025/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp¹⁰.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị điều chuyển tài sản: 01 bản chính;

Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp đó: 01 bản chính;

Trường hợp việc điều chuyển tài sản do thay đổi về đối tượng quản lý, phân cấp quản lý thì không bắt buộc phải có văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị tiếp nhận tài sản;

Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (tên tài sản, tên tuyến, địa chỉ, năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (chiều dài, diện tích, khối lượng,...); nguyên

¹⁰ Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền điều chuyển tài sản KCHT đô thị; theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

giá, giá trị còn lại; tình trạng sử dụng của tài sản); lý do điều chuyển: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị.

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định điều chuyển tài sản KCHT đường sắt đô thị.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

8) Tên thủ tục: “Sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia/đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư”.

11.1. Đối với tài sản KCHT đường sắt quốc gia

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia, quốc gia đề tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia lập hồ sơ đề nghị, trình cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp¹¹.

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

¹¹ Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản KCHT đường sắt quốc gia được đầu tư theo phương thức đối tác công tư; theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia quốc gia quốc gia

e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản KCHT giao thông đường bộ để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

h. Phí, lệ phí: Không có.

i. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

11.2. Đối với tài sản KCHT đường sắt đô thị

a. Trình tự thực hiện:

a1) Khi có nhu cầu sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị lập hồ sơ đề nghị, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

a2) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị chưa phù hợp¹².

b. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính hoặc nộp điện tử (trong trường hợp đã có chữ ký số).

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

c1. Thành phần hồ sơ:

Văn bản của doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị về việc đề nghị sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư: 01 bản chính;

Ý kiến của các cơ quan có liên quan: 01 bản sao;

Danh mục tài sản đề nghị sử dụng để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

c2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

¹² Theo quy định tại Nghị định số 15/2025/NĐ-CP thì Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị được đầu tư theo phương pháp đối tác công tư; theo Nghị định số 127/2025/NĐ-CP thì thẩm quyền thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- d.** Thời hạn giải quyết: 30 ngày.
- đ.** Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt đô thị
- e.** Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- g.** Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sử dụng tài sản KCHT đường sắt đô thị để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
- h.** Phí, lệ phí: Không có.
- i.** Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
- k.** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ, Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ./.

BỘ TÀI CHÍNH
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /VP-CCHC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

V/v tham gia ý kiến dự thảo
Quyết định công bố TTHC được
sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý
công sản

Kính gửi: Cục Quản lý công sản

Ngày 22/6/2025, Văn phòng nhận được Công văn số/QLCS-VP ngày .../6/2025 của Cục Quản lý công sản (Cục QLCS) đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Quyết định công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản; Văn phòng có ý kiến như sau:

1. Về dự thảo Tờ trình Bộ, đề nghị Cục QLCS cập nhật lại nội dung Quy chế thực hiện công tác kiểm soát TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 1860/QĐ-BTC ngày 28/5/2025 (thay thế Quyết định số 316/QĐ-BTC), theo đó chú ý nội dung về thẩm quyền và quy trình công bố TTHC.

2. Về nội dung cụ thể của dự thảo Quyết định công bố:

- Đề nghị rà soát lại dự thảo Quyết định theo đúng Mẫu Quyết định công bố tại Phụ lục 1 Quyết định số 1860/QĐ-BTC, trong đó điều chỉnh lại nội dung tại Điều 2 về “Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký” để đảm bảo phù hợp với hiệu lực của Nghị định số 125/2025/NĐ-CP¹.

- Đề nghị điều chỉnh lại tên “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” tại TTHC số thứ tự số 3 của Phụ lục kèm theo dự thảo Quyết định để đảm bảo phù hợp với cơ cấu, tổ chức hiện hành.

3. Đối với các nội dung cụ thể của từng TTHC tại dự thảo Quyết định công bố, đề nghị Cục QLCS rà soát kỹ và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ để tổng hợp, báo cáo Bộ theo quy định.

Đề nghị Quý Cục tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh Văn phòng (để b/c);
- Lưu: VT, CCHC (03b).

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

¹ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025.